

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/NQ-HĐND

Phú Giáo, ngày 20 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020,
kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2016 - 2020
huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO
KHÓA IV - KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bình Dương;

Xét Tờ trình số 138/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo về việc thông qua điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2016-2020 huyện Phú Giáo; Báo cáo thẩm tra số 142/BC-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2016-2020 huyện Phú Giáo (Phụ lục kèm theo).

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2016-2020 huyện Phú Giáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Trường hợp sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai các chỉ tiêu sử dụng đất có sự chênh lệch với các chỉ tiêu sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện đã trình Hội đồng nhân dân huyện thông qua, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân huyện xem xét trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Phú Giáo Khóa IV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH
Đã ký: Phạm Văn Chánh

PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020, KẾ HOẠCH SỬ
DỤNG ĐẤT 05 NĂM 2016 - 2020 HUYỆN PHÚ GIÁO

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2016
của Hội đồng nhân dân huyện Phú Giáo)*

I. Quan điểm

1. Sử dụng đất mang lại hiệu quả cao, bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, bảo vệ và từng bước cải thiện môi trường bảo đảm thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Phối hợp, liên kết các huyện trong tỉnh nhằm chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế của tỉnh Bình Dương và thúc đẩy vai trò trung tâm công nghiệp của tỉnh Bình Dương trong phát triển toàn Vùng.

3. Bố trí sử dụng đất cho phát triển lâu dài; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp trọng yếu có hàm lượng khoa học- công nghệ và giá trị gia tăng cao.

4. Ưu tiên bố trí đủ quỹ đất cho xây dựng kết cấu hạ tầng để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân theo hướng văn minh hiện đại.

II. Mục tiêu

1. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là công cụ hỗ trợ công tác quản lý nhà nước về đất đai phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện, tỉnh.

2. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và đảm bảo an ninh quốc phòng.

3. Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất phải có tính khả thi cao, phù hợp với tiến trình đô thị hóa và đi đôi với chiến lược phát triển thị trường bất động sản.

4. Sử dụng đất phải phù hợp với định hướng sử dụng đất cả tỉnh.

III. Phương án điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020

1. Nhóm đất nông nghiệp.

Diện tích đất nông nghiệp đến năm 2020 là 44.462,79ha, giảm 3.614,24ha so với năm 2015, chiếm 81,67% tổng diện tích đất tự nhiên của huyện. Cụ thể như sau:

- Đất trồng lúa: hiện trạng đất lúa trên địa bàn huyện Phú Giáo hiện nay không còn. Tuy nhiên phần diện tích đất lúa còn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân sẽ được chuyển mục đích sang loại đất khác theo nghị quyết 44/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015.

- Đất trồng cây hàng năm: Đến năm 2020 đất trồng cây hàng năm là 670,16ha, giảm khoảng 45,75ha so với năm 2015.

- Đất trồng cây lâu năm: Đến năm 2020, diện tích đất trồng cây lâu năm là 35.952,02ha, giảm 5.063,10ha so với năm 2015.

- Đất lâm nghiệp: Căn cứ Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt và công bố kết quả kiểm kê rừng tỉnh Bình Dương, diện tích đất rừng sản xuất trên địa bàn huyện Phú Giáo đến năm 2020 là 4.651,60ha tập trung tại xã Tam Lập. Căn quyết định số 3340/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Dương tại thị trấn Phước Vĩnh và xã Tam Lập, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, diện tích đất lâm nghiệp huyện Phú Giáo là 5.456,78ha giảm 177,22ha so với hiện trạng năm 2015. Đối với chỉ tiêu đất lâm nghiệp được điều chỉnh bổ sung sau khi có chỉ tiêu phân khai của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích đất nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 là 110,65ha tăng 20ha so với năm 2015.

- Đất nông nghiệp khác: Diện tích đất nông nghiệp khác đến năm 2020 là 2.273,17ha, tăng 1.651,83ha so với năm 2015.

2. Nhóm đất phi nông nghiệp.

Diện tích đất phi nông nghiệp đến năm 2020 là 9.981,06ha, tăng 3.640,03ha so với năm 2015. Cụ thể như sau:

- Đất quốc phòng: Chỉ tiêu đất quốc phòng là chỉ tiêu cứng do cấp quốc gia quản lý và phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia cho tỉnh Bình Dương. Do đó, về diện tích đất quốc phòng sau khi Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tỉnh Bình Dương được Chính phủ phê duyệt sẽ được cập nhật vào điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Trên cơ sở Quy hoạch sử dụng đất sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Phú Giáo đã được phê duyệt, kết quả kiểm kê, thống kê đất đai và nhu cầu sử dụng đất, nhu cầu dự báo đối với đất quốc phòng trên địa bàn huyện đến năm 2020 là 731,30ha tăng 228,85ha so với năm 2015.

- Đất an ninh: Chỉ tiêu đất an ninh là chỉ tiêu cứng do cấp quốc gia quản lý và phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia cho tỉnh Bình Dương. Do đó, về diện tích đất an ninh sau khi Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tỉnh Bình Dương được Chính phủ phê duyệt sẽ được cập nhật vào điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Trên cơ sở Quy hoạch sử dụng đất sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Phú Giáo đã được phê duyệt, kết quả kiểm kê, thống kê đất đai và nhu cầu sử dụng đất, nhu cầu dự báo đối với đất an ninh trên địa bàn huyện đến năm 2020 là 2.134,00ha tăng 1.059,22ha so với năm 2015.

- Đất khu công nghiệp: Theo quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020 (CV173-TTg), kết hợp với chỉ tiêu phân khai từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh xuống địa bàn huyện Phú Giáo đến năm 2020 là 500ha, để thực hiện công trình khu công nghiệp Vĩnh Lập tại xã Tam Lập.

- Đất cụm công nghiệp: Trong kỳ quy hoạch đất cụm công nghiệp giai đoạn 2016-2020 huyện Phú Giáo có diện tích là 298,15ha, tăng 236,93ha so với hiện trạng năm 2015 để quy hoạch thêm 4 cụm công nghiệp sau:

- + Cụm sản xuất gạch ngói Đồng Chính tại xã Phước Hòa diện tích 66,62ha;
- + Cụm sản xuất công nghiệp đa ngành nghề Vĩnh Hòa (cụm 1) diện tích 70,31ha;
- + Cụm sản xuất kinh doanh thực phẩm (cụm 2) diện tích 50,00ha;
- + Cụm công nghiệp Tam Lập (cụm 2) diện tích 50,00ha.

- Đất thương mại – dịch vụ: Chỉ tiêu đất thương mại – dịch vụ là chỉ tiêu được xác định trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện. Trên cơ sở quy hoạch đã được phê duyệt và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện, nhu cầu sử dụng đất thương mại của các tổ chức, cá nhân, đến năm 2020 diện tích đất thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện là 75,84ha, tăng 69,65ha so với hiện trạng sử dụng đất đến năm 2015.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Nhu cầu sử dụng đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp đến năm 2020 trên địa bàn huyện Phú Giáo với diện tích 264,46ha, tăng 131,99ha so với năm 2015

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng và gốm sứ: Quy hoạch đất sản xuất vật liệu xây dựng và gốm sứ đến năm 2020 trên địa bàn huyện Phú Giáo là 473,48ha, tăng 276,21ha so với năm 2015

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp:

Diện tích đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp đến năm 2020 là 20,72ha, tăng 4,89ha so với năm 2015.

- Đất xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại: Diện tích đất xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại đến năm 2020 là 406,15ha, tăng 404,00ha so với năm 2015.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: Theo Quy hoạch tổng thể địa điểm các nghĩa trang trên địa bàn huyện Phú Giáo sẽ thực hiện 5 công trình nghĩa trang tập để phục vụ cho việc chôn cất tập trung và di dời các nghĩa địa nhỏ lẻ vào chôn cất, cụ thể như sau:

- + Nghĩa trang công viên tỉnh Bình Dương tại xã Tân Long diện tích 100,0ha.
- + Tại xã Vĩnh Hòa: phát triển một nghĩa trang cấp III diện tích 25ha.
- + Tại xã Phước Sang: phát triển một nghĩa trang cấp III diện tích 15ha.
- + Tại xã An Bình: phát triển một nghĩa trang cấp III diện tích 15ha.
- + Tại xã Tam Lập: phát triển một nghĩa trang cấp III diện tích 10ha.

Đến năm 2020 diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn huyện Phú Giáo là 215,72ha tăng 139,93ha so với năm 2015.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Đất sinh hoạt cộng đồng quy hoạch đến năm 2020 trên địa bàn huyện Phú Giáo là 20,07ha, tăng 8,02ha để phục vụ xây dựng mới, mở rộng 37 nhà văn hóa ấp và khu phố.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Đất khu vui chơi giải trí công cộng quy hoạch đến năm 2020 dự kiến khoảng 21,57ha, tăng 17,90ha để thực hiện các công trình:

- + Công viên cây xanh xã Tân Hiệp diện tích 1,9ha (thu hồi đất nghĩa địa).
- + Công viên cây xanh xã Tân Long diện tích 1,00ha.
- + Đất công viên cây xanh đô thị Phước Vĩnh – Vĩnh Hòa, trong dự án chỉnh trang suối Vàm Vá với quy mô diện tích 60ha.

- Đất phát triển hạ tầng: Đất phát triển hạ tầng gồm 11 loại đất khác nhau: đất giao thông, đất thủy lợi, đất công trình năng lượng, đất bưu chính viễn thông, đất văn hóa, đất y tế, đất giáo dục, đất thể dục thể thao, đất nghiên cứu khoa học, đất dịch vụ xã hội và đất chợ. Diện tích đất phát triển hạ tầng đến năm 2020 là 2.457,01ha, tăng 443,19ha so với năm 2015.

- Đất ở đô thị: Đến năm 2020, diện tích đất ở đô thị là 165,72ha, tăng 93,93ha so với năm 2015.

- Nhu cầu đất ở nông thôn: Nhu cầu sử dụng đất ở nông thôn đến năm 2020 trên địa bàn huyện với diện tích 570,60ha, tăng 25,32ha so với hiện trạng năm 2015.

3. Nhóm đất chưa sử dụng

Hiện nay nhóm đất này còn 25,79ha, đó là diện tích các dự án dân cư đã quy hoạch nhưng đến nay chưa xây dựng như: Khu dân cư Phước Hòa và khu tái định cư Phước Vĩnh thực tế đã được giao đất ở nhưng hiện nay vẫn chưa được xây dựng hết (thống kê vào đất bằng chưa sử dụng); các dự án này sẽ được đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng trong giai đoạn 2016-2020.

Bảng: Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
(1)	(2)					
	Tổng diện tích tự nhiên	54.443,85	54.443,85	54.443,85	54.443,85	54.443,85
1	Đất nông nghiệp	48.048,56	47.700,26	46.577,49	45.819,11	44.462,79
1.1	Đất trồng lúa*					
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	715,91	677,86	670,16	670,16	670,16
1.3	Đất trồng cây lâu năm	40986,65	40.833,62	39.510,85	38.580,59	36.952,02
1.4	Đất rừng phòng hộ*					
1.5	Đất rừng đặc dụng					
1.6	Đất rừng sản xuất	5.634,00	5.456,78	5.464,78	5.464,78	5.456,78
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	90,65	110,65	110,65	110,65	110,65
1.8	Đất làm muối					
1.9	Đất nông nghiệp khác	621,34	621,34	829,04	1.011,64	1.273,17
2	Đất phi nông nghiệp	6.369,51	6.717,80	7.840,57	8.588,23	9.981,06
2.1	Đất quốc phòng**	502,45	502,45	502,45	502,45	731,30
2.2	Đất an ninh**	1.074,78	1.075,78	1.275,78	1.275,94	2.134,00
2.3	Đất khu công nghiệp**	0,00	0,00	0,00	500,00	500,00
2.4	Đất khu chế xuất**	0,00	0,00	0,00	0,00	

Số TT	Chi tiêu sử dụng đất	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
2.5	Đất cụm công nghiệp	61,22	177,84	177,84	177,84	298,15
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	7,69	18,64	35,84	59,24	75,84
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	135,33	146,41	146,97	147,47	264,46
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	2.016,92	2.149,58	2.235,76	2.449,07	2.457,01
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa					
2.11	Đất danh lam thắng cảnh					
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	2,15	2,15	402,15	402,15	406,15
2.13	Đất ở tại nông thôn	547,77	553,38	535,13	541,28	570,60
2.14	Đất ở tại đô thị	86,51	103,73	155,27	158,49	165,71
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	18,67	18,67	19,90	19,90	20,72
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	5,03	5,03	5,03	5,03	5,03
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao					
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	19,64	19,64	19,64	19,64	19,64
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	75,79	115,79	216,34	215,72	215,72
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	197,27	218,20	473,48	473,48	473,48
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	12,90	15,95	16,81	18,35	20,07
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	3,67	3,67	20,57	5,57	21,57
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	5,51	5,51	5,51	5,51	5,51
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.568,85	1.568,85	1.568,85	1.568,85	1.568,85
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	27,26	27,26	27,26	27,26	27,26
2.26	Đất phi nông nghiệp khác					
3	Đất chưa sử dụng	25,79	25,79	25,79		

IV. Các giải pháp thực hiện

Để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh đạt kết quả và có tính khả thi cao, cần tổ chức thực hiện những giải pháp sau:

1. Giải pháp về chính sách

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính, cơ chế huy động vốn để các tổ chức phát triển quỹ đất huyện- xã hoạt động có hiệu quả, đảm bảo quỹ đất sạch phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện. Các dải đất ven đường vành đai và các khu đất ở vị trí thuận lợi về thu hút đầu tư sẽ được giải toả tạo quỹ đất sạch về đấu giá, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách huyện.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quy định công khai các dự án đầu tư trong quá trình giao dự án và triển khai thực hiện dự án để các cơ quan, tổ chức và nhân dân kiểm tra giám sát.

- Hoàn thiện cơ chế chính sách để tạo môi trường thông thoáng hơn về thu hút đầu tư và huy động các nguồn lực vào thực hiện các dự án, nhất là những dự án mang tính đột phá cho các ngành động lực và vùng trọng điểm.

- Điều chỉnh các quy định có liên quan đến giải phóng mặt bằng phù hợp với tình hình mới nhằm thúc đẩy tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án.

- Điều chỉnh các khoản thu liên quan đến đất đai chưa phù hợp (nếu có) về tiền sử dụng đất, thuê đất. Hoàn thiện cơ chế chính sách cho từng loại dự án và quy định điều kiện tham gia đầu tư.

- Có cơ chế tạo nguồn tài chính khả thi bên cạnh đó cần xây dựng cơ chế hỗ trợ nhà đầu tư trong nước thực hiện các dự án lớn. Đối với đất giáo dục, y tế, văn hóa - thể thao thực hiện xã hội hoá tất cả các công trình không bắt buộc phải do nhà nước quản lý.

- Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa về nguồn vốn và những ưu đãi cần thiết cho các hộ chuyển quyền sử dụng đất để làm các khu công nghiệp để các hộ này có thể làm các dịch vụ phục vụ công nhân trong các khu công nghiệp, nhất là về dịch vụ nhà trọ.

2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư

2.1. Giải pháp về tăng cường nhân sự và đào tạo nguồn nhân lực cho quản lý đất đai

- Xây dựng giải pháp và lộ trình nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và quy hoạch sử dụng đất các cấp, để có đủ khả năng thực hiện việc lập, giám sát, thanh kiểm tra và xử lý những vi phạm trong lĩnh vực quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Bổ sung đủ nhân lực có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quản lý cho các cấp để thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhất là trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Riêng với lực lượng cán bộ tài nguyên- môi trường cấp xã, cần có chính sách ổn định tăng tính chuyên nghiệp, hạn chế tình trạng biến động lớn như hiện nay.

- Chú trọng công tác đào tạo qua việc mở các lớp tập huấn bồi dưỡng về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nghiệp vụ về quản lý đất đai- môi trường theo phương thức hợp nhất liên ngành cho cán bộ công chức làm công tác quy hoạch, kế hoạch và mời các đơn vị tư vấn trực thuộc có nhu cầu đào tạo tham dự.

2.2. Giải pháp về đầu tư vốn

- Hoàn thiện cơ chế chính sách để tạo môi trường thông thoáng hơn về thu hút đầu tư và huy động các nguồn lực vào thực hiện các dự án. Có chính sách các khoản thu liên quan đến đất đai như tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Chính sách huy động nguồn vốn trong dân để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng, an sinh xã hội.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quy định công khai các dự án trong quá trình giao dự án và triển khai thực hiện dự án để công đồng kiểm tra, giám sát.

3. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất đai và bảo vệ môi trường

3.1. Tăng cường các hoạt động bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực quản lý về môi trường cho hệ thống tổ chức trong lĩnh vực môi trường.

- Bổ sung và hoàn thiện cơ chế chính sách về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện bao gồm: thể chế và hệ thống tổ chức bảo vệ môi trường.

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đất nói riêng và môi trường nói chung trên địa bàn huyện. Xây dựng chương trình quản lý môi trường, bao gồm các nội dung về hoàn thiện việc nâng cao năng lực quản lý bảo vệ môi trường, chính sách về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững- tiêu thủ công nghiệp; quản lý môi trường nông nghiệp và nông thôn, đô thị và các khu dân cư tập trung, quản lý chất thải y tế độc hại, quản lý đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên; Quản lý môi trường các nguồn tài nguyên thiên nhiên như: nước, đất, không khí.

- Trước mắt cần chú trọng các hoạt động như: bảo vệ nguồn nước Sông Bé gắn với kiểm soát chặt chẽ hoạt động xử lý nước thải, khai thác cát và bảo vệ bờ sông để hạn chế tối đa xói lở và lấn sông, lấp rạch và ô nhiễm nguồn nước; thu hút đầu tư có chọn lọc và kiên quyết không cấp giấy phép cho các nhà đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường; phát triển nông nghiệp bền vững theo hướng ứng dụng công nghệ cao, kiểm soát ngày càng chặt chẽ hơn các yếu tố đầu vào trong sản xuất

đáp ứng yêu cầu sạch, an toàn; đảm bảo tỷ lệ che phủ cây xanh, cây lâm nghiệp và cây lâu năm đạt 60% và bảo vệ tốt các diện tích rừng ở các khu vực xung yếu theo quy hoạch, hạn chế tối đa tình trạng lạm dụng hóa chất gây ô nhiễm môi trường đất, nước; xây dựng cơ sở xử lý nước thải, chất thải trong các trang trại chăn nuôi tập trung; xúc tiến xây dựng các cơ sở xử lý chất thải, nước thải cho các khu đô thị, khu- cụm công nghiệp theo quy định; xây dựng các hệ thống thủy lợi đa mục tiêu, kiểm soát khai thác nước ngầm để hạn chế tình trạng khai thác quá mức.

3.2 Tăng cường hoạt động giám sát môi trường

- Hoàn thiện mạng lưới quan trắc đáp ứng nhu cầu giám sát chặt chẽ môi trường. Bổ sung lực lượng đáp ứng yêu cầu số lượng và chất lượng, cơ cấu về chuyên môn. Tăng cường ứng dụng các công nghệ và thiết bị đáp ứng nhu cầu quan trắc, phân tích, đánh giá các yếu tố môi trường. Khuyến khích ứng dụng công nghệ và thiết bị tin học để nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát và phổ biến các quy định về môi trường đến đối tượng giám sát và quản lý.

- Giám sát kỹ phân đánh giá môi trường và giải pháp xử lý chất thải, nước thải trong các dự án đầu tư và trong các quy hoạch phát triển các ngành, nhất là các ngành có nguy cơ ô nhiễm, kiên quyết loại bỏ các dự án không đáp ứng yêu cầu về môi trường.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các doanh nghiệp sản xuất có yếu tố có thể gây ô nhiễm môi trường để kịp thời xử lý và khắc phục.

- Giám sát kỹ quá trình triển khai các dự án khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng để đảm bảo khai thác có hiệu quả nhưng phải hạn chế tác động xấu đến môi trường, về phục hồi môi trường và hoàn nguyên sau khai thác.

- Có mức phạt đủ sức răn đe các cơ sở cố ý vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

- Đề công tác giám sát hoạt động có nề nếp, hiệu quả cần xây dựng chương trình giám sát môi trường bao gồm: quan trắc chất thải môi trường và giám sát các nguồn thải; giám sát quản lý sử dụng nước ngầm giám sát hệ sinh thái và đa dạng sinh học...

4. Giải pháp tổ chức thực hiện

4.1. Công bố quy hoạch và điều chỉnh, bổ sung kịp thời quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Khi quy hoạch được phê duyệt, sẽ tổ chức hội nghị công bố quy hoạch và đưa quy hoạch lên mạng thông tin của ngành giúp các ngành, các địa phương và đơn vị có liên quan nắm vững để thực hiện. Khuyến khích hoàn thành quy hoạch các xã, thị trấn, tạo sự thống nhất trong xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất từ cấp tỉnh xuống cấp huyện đến cấp xã.

- Trong quá trình thực hiện, căn cứ vào lộ trình thành lập các đơn vị hành chính để xây dựng kịp thời hồ sơ địa chính và quy hoạch đất đai của các đơn vị được chia tách.

- Bám sát quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để tham gia xây dựng và đóng góp ý kiến cho quy hoạch các ngành có liên quan nhằm phát hiện và kịp thời chấn chỉnh các biểu hiện sử dụng đất không theo quy hoạch. Mặt khác cũng cần nắm được các phát sinh khách quan về nhu cầu sử dụng đất để giúp bổ sung, điều chỉnh kịp thời trong các kỳ điều chỉnh bổ sung và xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm; cũng như phát hiện những bất hợp lý trong sử dụng đất của từng ngành để có những tác động kịp thời nhằm tránh và hạn chế tiêu cực trong quá trình sử dụng đất.

4.2. Tăng cường nhân sự và đào tạo nguồn nhân lực cho quản lý đất đai

- Xây dựng giải pháp và lộ trình bổ sung nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và quy hoạch sử dụng đất các cấp, để có đủ khả năng thực hiện việc lập, giám sát, thanh kiểm tra và xử lý những vi phạm trong lĩnh vực quản lý QH, KHSDD.

- Bổ sung đủ nhân sự có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quản lý cho các cấp để thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhất là trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Riêng với lực lượng cán bộ tài nguyên – môi trường cấp xã, cần có chính sách ổn định để tăng tính chuyên nghiệp, hạn chế tình trạng biến động lớn về nhân sự.

- Chú trọng công tác đào tạo qua việc mở các lớp tập huấn bồi dưỡng về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nghiệp vụ về quản lý đất đai – môi trường theo phương thức hợp nhất liên ngành cho cán bộ công chức làm công tác quy hoạch, kế hoạch và mời các đơn vị tư vấn trực thuộc có nhu cầu đào tạo tham dự.

4.3. Tăng cường giám sát môi trường trong quá trình triển khai quy hoạch sử dụng đất, đảm bảo cho sử dụng đất bền vững

- Tăng cường ứng dụng các công nghệ và thiết bị đáp ứng nhu cầu quan trắc, phân tích, đánh giá các yếu tố môi trường. Khuyến khích ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát và phổ biến các quy định về môi trường đến đối tượng giám sát và quản lý.

- Giám sát kỹ phân đánh giá môi trường và giải pháp xử lý chất thải, nước thải trong các dự án đầu tư, kiên quyết loại bỏ các dự án không đáp ứng yêu cầu về môi trường.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các doanh nghiệp sản xuất có yếu tố có thể gây ô nhiễm môi trường để kịp thời xử lý và khắc phục.

4.4. Tăng cường công tác tổ chức, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý đất đai

a. Giải pháp chung về tổ chức, quản lý

- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật để người dân nắm vững luật đất đai, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả và bảo vệ môi trường. Quản lý sử dụng đất theo đúng quy hoạch, nhất là khu vực sẽ chuyển mục đích sử dụng để tập trung cho phát triển kinh tế và chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển mạnh dịch vụ. Cập nhật kịp thời những thay đổi về thị trường đất đai để có kế hoạch đền bù thỏa đáng, giúp sử dụng đất đúng theo kế hoạch.

- Tăng cường công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, đặc biệt là đo đạc, chỉnh lý biên động và cấp giấy chứng nhận, đồng thời có biện pháp xử lý các tồn tại, vướng mắc trong thực hiện kiểm kê đất đai, làm cơ sở cho việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Trong sắp xếp thứ tự dự án ưu tiên, phải tạo ra được những đột phá và động lực phát triển cho từng ngành và từng vùng. Trong đó, công trình hạ tầng phải được ưu tiên để tăng lực hút đầu tư, phát triển mạnh kinh tế, nhất là các tuyến đường vành đai, đường trục, bến cảng phục vụ đắc lực vận tải các mặt hàng chiến lược ra ngoài vùng. Kết hợp tốt giữa đầu tư từ nguồn ngân sách với vốn của doanh nghiệp vào xây dựng các khu công nghiệp, dân cư, các công trình trọng điểm về CSHT, với vốn xã hội hoá về xây dựng cơ sở vật chất như trường, bệnh viện, cơ sở văn hoá – thể thao. Riêng các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn và nội thị, cần phát huy mạnh mẽ phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm.

- Kiên quyết không giải quyết giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất các trường hợp không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Khi giao đất, cho thuê đất cần phải tính đến năng lực thực hiện các dự án của chủ đầu tư, để đảm bảo triển khai đúng tiến độ và khả thi. Chuyển dần các đơn vị sản xuất vào các khu công nghiệp, chỉ giữ lại các cơ sở không gây ô nhiễm. Không giải quyết giao đất hoặc cho thuê đất để sản xuất công nghiệp trong các khu dân cư. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thu hồi các dự án chậm triển khai.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhằm ngăn chặn kịp thời các vi phạm, đồng thời phát hiện và kiến nghị điều chỉnh những bất hợp lý trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm sử dụng đất đai hợp lý với hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Có biện pháp xử lý thỏa đáng các trường hợp vi phạm, không thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Phát triển thị trường bất động sản, kiểm soát giá cho thuê đất tại các khu công nghiệp, có biện pháp ngăn chặn, xử lý tình trạng đầu cơ đất trong các khu công nghiệp.

b. Trách nhiệm các ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất

- UBND huyện căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt để triển khai quy hoạch và lập kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn.

- Các ngành bám sát vào phân bổ chỉ tiêu quy hoạch đất cho ngành mình để tổ chức thực hiện, khi có phát sinh nhu cầu mới cần xin chủ trương của UBND huyện điều chỉnh bổ sung theo luật định.

5. Nhóm giải pháp khác

- Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp huyện nhằm đảm bảo quốc phòng, an ninh và ổn định phát triển kinh tế xã hội; đời sống cho nhân dân trong quy hoạch.

- Triển khai thực hiện theo đúng các nội dung và các chỉ tiêu quy hoạch kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và kịp thời cập nhật thông tin để điều chỉnh theo đúng quy định.

- Các cấp chính quyền đặc biệt quan tâm đến ranh giới và công khai diện tích đất lúa, đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ cần phải bảo vệ nghiêm ngặt nhằm đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ và giữ được môi trường rừng bền vững.

- Tổ chức giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất đô thị.

- Thực hiện tốt chính sách về nhà ở - đất ở (nông thôn và đô thị) phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của từng địa phương trên đại bàn toàn huyện đồng thời quan tâm đến chính sách nhà ở cho hộ nghèo và người thu nhập thấp.

- Xây dựng phương án đầu tư cơ sở hạ tầng tại các khu tái định cư tổ chức đào tạo nghề và tạo việc làm cho người dân bị thu hồi đất; thực hiện các dự án đầu tư một cách nhanh chóng nhằm ổn định đời sống nhân dân và góp phần đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội đến từng địa phương trong huyện.

- Định kỳ hàng năm Ủy ban nhân dân huyện có báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với Hội đồng nhân dân huyện.